

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ ĐẶT HÀNG
Về việc cung cấp dịch vụ giáo dục sử dụng kinh phí ngân sách
nhà nước của xã Phúc Thịnh năm học 2024-2025 (Đợt 2)

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 17/2024/TT-BTC ngày 14/3/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên qua Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐNNĐ ngày 29/3/2024 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 04/10/2024 của HĐND thành phố Hà Nội phê duyệt giá dịch vụ giáo dục để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Công văn số 1985/SGDDT-KHTC ngày 28/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về hướng dẫn một số nội dung triển khai thực hiện đặt hàng dịch vụ giáo dục năm học 2024-2025;

Căn cứ Công văn số 2378/UBND-TCKH ngày 29/8/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc triển khai một số nội dung thực hiện thí điểm đặt hàng dịch vụ giáo dục năm học 2024-2025 và năm học 2025-2026

Căn cứ Quyết định số 9231/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc đặt hàng cung cấp dịch vụ giáo dục sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước của huyện Đông Anh cho trường THCS Tiên Dương năm học 2024-2025;

Căn cứ Quyết định số 11366/QĐ-UBND ngày 06/11/2024 về việc điều chỉnh giá đặt hàng tại Quyết định số 9231/QĐ-UBND ngày 30/08/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc đặt hàng cung cấp dịch vụ giáo dục sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước của huyện Đông Anh cho trường THCS Tiên Dương năm học 2024-2025.

Hôm nay, ngày tháng năm 2025 chúng tôi gồm có:

I. Bên A: UBND xã Phúc Thịnh

1. Đại diện Phòng Kinh tế xã Phúc Thịnh.

- | | |
|----------------------|---------------------------|
| - Ông Hoàng Anh Tuấn | Chức vụ : Trưởng phòng |
| - Bà Ngô Hải Yến | Chức vụ: Phó trưởng phòng |
| - Bà Vũ Thị Cẩm Linh | Chức vụ: Chuyên viên |

2. Đại diện Phòng Văn hoá – Xã hội xã Phúc Thịnh

- | | |
|-------------------------|----------------------|
| - Ông Đặng Việt Hà | Chức vụ: Chuyên viên |
| - Bà Hoàng Thị Thúy | Chức vụ: Chuyên viên |
| - Bà Phạm Thị Thúy Minh | Chức vụ: Chuyên viên |

II. Bên B: Đại diện Trường THCS Tiên Dương

- | | |
|----------------------|----------------------|
| - Bà Đỗ Thị Tám | Chức vụ: Hiệu trưởng |
| - Bà Nguyễn Thị Xinh | Chức vụ: Kế toán |

Hai bên thống nhất nghiệm thu và quyết toán kinh phí đặt hàng cung cấp dịch vụ giáo dục sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước như sau:

1. Số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công

a) Theo quyết định đặt hàng:

- Số lớp (chi tiết theo cấp học, khối lớp): 36
 - Số học sinh (chi tiết theo cấp học, khối lớp): 1469
- b) Theo thực tế thực hiện:

- Số lớp (chi tiết theo cấp học, khối lớp): 36
- Số học sinh (chi tiết theo cấp học, khối lớp): 1466

2. Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công: Thực hiện giảng dạy đúng, đủ chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

3. Giá đặt hàng theo quyết định đặt hàng:

Bảng số: 16.386.695.000 đồng

Bằng chữ: Mười sáu tỷ, ba trăm tám mươi sáu triệu, sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng

4. Dự toán kinh phí đặt hàng theo Quyết định đặt hàng:

4.1. Tổng dự toán kinh phí: 1469 học sinh x 11.155.000đ = 16.386.695.000 đồng

4.2. Nguồn kinh phí

- Nguồn thu học phí (không bao gồm số trích 40% dành nguồn cải cách tiền lương theo quy định): 594.945.000 đồng, trong đó:

+ Năm 2024: 264.420.000 đồng

+ Năm 2025: 330.525.000 đồng

- Nguồn cải cách tiền lương của đơn vị: 876.991.000 đồng, trong đó:

+ Năm 2024: 656.641.000 đồng

+ Năm 2025: 220.350.000 đồng

- Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng: 14.914.759.000 đồng (trong đó KP CCTL: 3.141.133.000 đồng).

+ Năm 2024: 4.541.171.000 đồng (trong đó KP CCTL: 812.541.000 đồng)

+ Năm 2025: 10.373.588.000 đồng (trong đó KP CCTL: 2.328.592.000 đồng)

5. Nhiệm vụ kinh phí đặt hàng (đợt 2):

5.1. Tổng kinh phí đặt hàng: 10.902.153.000 đồng

5.2. Nguồn kinh phí

- Từ nguồn thu học phí: 327.600.000 đồng (bao gồm cả phần NSNN cấp bù thực hiện chính sách miễn, giảm học phí theo quy định của Chính phủ).

- Từ nguồn cải cách tiền lương của đơn vị: 218.400.000 đồng

- Từ nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng: 10.356.153.000 đồng (trong đó KP CCTL: 2.718.920.000 đồng; Nguồn sự nghiệp: 7.637.233.000 đồng).

(Số liệu chi tiết theo biểu số 02-HD kèm theo)

5.3 Nguồn NSNN đặt hàng đã cấp năm 2025: 10.373.588.000 đồng (trong đó KP CCTL: 2.328.592.000 đồng; nguồn sự nghiệp: 8.044.996.000 đồng)

5.4 Kinh phí còn được Ngân sách thiếu đề nghị bổ sung (đợt 1): 110.947.000 đồng (trong đó KP NSNN đặt hàng từ nguồn CCTL đề nghị bổ sung: 202.080.000 đồng; Thu hồi KP NSNN đặt hàng từ nguồn sự nghiệp: 91.133.000 đồng).

5.5. Kinh phí NSNN đặt hàng thiếu đề nghị cấp bổ sung: 93.512.000 đồng

Trong đó:

- KP NSNN đặt hàng từ nguồn CCTL thiếu đề nghị cấp bổ sung: 592.408.000 đồng

- Thu hồi KP NSNN đặt hàng từ nguồn sự nghiệp: 498.896.000 đồng

* Ý kiến của Phòng Văn hoá - Xã hội, Phòng Kinh tế Xã:

- Qua theo dõi việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ giáo dục sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước của xã Phúc Thịnh năm học 2024-2025 (đợt 2), Trường THCS Tiên Dương đã xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện đúng theo quy định.

- Đề nghị Trường THCS Tiên Dương chịu trách nhiệm về số liệu do đơn vị báo cáo và tổng hợp chung kinh phí đặt hàng được quyết toán trong quyết toán ngân sách năm 2025

* Ý kiến của Trường THCS Tiên Dương nhận đặt hàng:

- Nhất trí với số liệu đã tổng nhất trong biên bản nghiệm thu và quyết toán kinh phí đặt hàng đợt 2 năm học 2024-2025.

Biên bản được lập thành 04 bản, Trường THCS Tiên Dương giữ 02 bản, Phòng Văn hoá - Xã hội Xã giữ 01 bản, phòng Kinh tế giữ 01 bản và có giá trị như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN B

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Thị Tâm

ĐẠI DIỆN BÊN A

**PHÒNG VH-XH
TRƯỞNG PHÒNG**



TRƯỞNG PHÒNG

Đặng Việt Kha

**PHÒNG KINH TẾ
TRƯỞNG PHÒNG**



TRƯỞNG PHÒNG

Hoàng Sinh Tuấn

SỔ LỚP, HỌC SINH NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu đợt 02 năm học 2024 - 2025 ngày / /2025 của
Trường THCS Tiên Dương)

Số TT	Cấp học/lớp	Số lớp	Số học sinh bình quân	Số học sinh bình quân/lớp
	Cấp	36	1466	41
1	Lớp 6	10	386	39
2	Lớp 7	10	419	42
3	Lớp 8	9	383	43
4	Lớp 9	7	278	40

Người lập

Ngày tháng năm 2025
Thủ trưởng đơn vị

Xác nhận của phòng VHXXH

Nguyễn Thị Xinh

Đỗ Thị Tám



TRƯỜNG PHÒNG
Đang Viết Kìa

SỐ LIỆU QUYẾT TOÁN ĐẶT HÀNG NĂM HỌC 2024-2025
(Kèm theo Biên bản nghiệm thu đợt 02 năm học 2024 - 2025 ngày / /2025 Trường THCS Tiên Dương)

STT	Cấp học/học sinh (trẻ em)	Mức thu học phí (nghìn đồng/học sinh/tháng)	Số lớp	Số học sinh (trẻ em) thực tế bình quân 5 tháng đầu năm 2025 (theo số liệu tổng hợp từ cơ sở dữ liệu ngành)	Số học sinh (trẻ em) bình quân/lớp	Giá dịch vụ (nghìn đồng/học sinh (trẻ em)/học học)	Hệ số điều chỉnh giá theo quy mô lớp/cơ sở giáo dục	Hệ số điều chỉnh giá theo quy mô học sinh (trẻ em) bình quân/lớp	Giá dịch vụ đặt hàng (nghìn đồng/học sinh (trẻ em)/học học)	Giá đặt hàng 8 tháng năm 2025 (nghìn đồng)	Quyết toán kinh phí đặt hàng 8 tháng					Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng đã cấp năm 2025	Trong đó		Chênh lệch nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng năm học 2024-2025 (thiếu +, thừa -)	Trong đó		Chênh lệch nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng năm học 2024-2025 (thiếu + cấp bổ sung, thừa - nộp trả ngân sách)	Trong đó											
											năm 2025 (nghìn đồng)						Tổng số	Chia ra			Trong đó		Nguồn sự nghiệp	Nguồn CCTL	Nguồn sự nghiệp	Nguồn CCTL	Nguồn sự nghiệp	Nguồn CCTL						
											11=thực tế +60%	12	13=10-11-12	13,1	13,2			14		14,1	14,2								15	15,1	15,2	16 =13+15-14	16,1	16,2
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8=5*6*7	9=3*8/12 tháng x 8 tháng	10=9	11=thực tế +60%	12	13=10-11-12	13,1	13,2	14	14,1	14,2	15	15,1	15,2	16 =13+15-14	16,1	16,2									
1	Học sinh Trung học cơ sở	75	36	1466	41	11.500	1	0,97	11.155	10.902.153	10.902.153	327.600	218.400	10.356.153	7.637.233	2.718.920	10.373.588	8.044.996	2.328.592	110.947	(91.133)	202.080	93.512	(498.896)	592.408									

Người lập



Nguyễn Thị Xinh



Đỗ Thị Tám

TRƯỜNG THCS TIỀN DƯƠNG

TỔNG HỢP KINH PHÍ CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG PHỤC VỤ ĐẶT HÀNG

Đơn vị: 1.000 đồng

Tên trường	Nguồn CCTL năm 2024 còn dư chuyển sang	Nguồn CCTL hoàn trả theo kiến nghị của phòng TC-KH	Thu dịch vụ từ 1/1/2025-31/8/2025				40% CCTL 8 tháng đầu năm	Kinh phí CCTL đã cấp năm 2025	nhu cầu CCTL tháng 1 đến 8	CCTL còn dư
			Thu học phí	Thu khác	Chi từ nguồn thu khác	Chênh lệch thu - chi khác				
THCS TIỀN DƯƠNG	0	0	546.000			546.000	218.400	4.275.000	2.937.320	1.556.080

Kế toán



Nguyễn Thị Xinh

Ngày 06 tháng 08 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Đỗ Thị Tám